

Vai trò của cơ sở giáo dục đại học trong đổi mới sáng tạo quốc gia - kinh nghiệm quốc tế và gợi mở đối với Việt Nam

PGS, TS. MAI ĐỨC NGỌC

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: maiducngoc195@gmail.com

Nhận ngày 11 tháng 8 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết này phân tích vai trò then chốt của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Các trường đại học ngày nay không chỉ là nơi đào tạo truyền thống, mà còn là hạt nhân tạo ra tri thức, chuyển giao công nghệ và là bộ phận cho tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data), vai trò của GDĐH càng trở nên quan trọng hơn. Dựa trên việc phân tích các mô hình thành công tại Hoa Kỳ, Đức, Israel, Hàn Quốc, Singapore và Trung Quốc, bài viết làm rõ các trụ cột chức năng của GDĐH trong việc định hình các nền kinh tế tri thức hiện đại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số chính sách đột phá cho Việt Nam nhằm phát huy tối đa tiềm năng của các trường đại học, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 57 - NQ/TW và Nghị quyết số 71 - NQ/TW của Bộ Chính trị.

Từ khóa: trường đại học; đổi mới sáng tạo; hệ sinh thái; chuyển giao công nghệ; khởi nghiệp.

Abstract: This article analyzes the pivotal role of higher education institutions within the national innovation ecosystem. Modern universities are no longer confined to traditional teaching roles, but also serve as nuclei for knowledge creation, technology transfer, and the promotion of entrepreneurship and innovation. In the context of the Fourth Industrial Revolution, particularly with the rise of artificial intelligence (AI) and big data, the role of higher education has become even more critical. Drawing on successful models from the United States, Germany, Israel, South Korea, Singapore, and China, the article clarifies the functional pillars of higher education in shaping modern knowledge-based economies. Based on this analysis, the study proposes several breakthrough policy recommendations for Vietnam to maximize the potential of its universities, especially in the implementation of the Politburo's Resolutions No. 57-NQ/TW and No. 71-NQ/TW.

Keywords: universities; innovation; ecosystem; technology transfer; entrepreneurship.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, đổi mới sáng tạo (innovation) đã trở thành động lực chính, quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Các nền kinh tế tiên tiến đều nhận thức sâu sắc rằng sự thịnh vượng không còn phụ thuộc chủ yếu vào tài nguyên thiên nhiên hay lao động giá rẻ, mà phụ thuộc vào tri thức và khả năng sáng tạo của con người. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), với những công nghệ nền tảng như AI, Big Data, Internet vạn vật (IoT), đã tạo ra một kỷ nguyên mới, nơi tri thức

và khả năng sáng tạo của con người là yếu tố quyết định sự thịnh vượng. Chính nhận thức này đã dẫn đến sự chuyển đổi căn bản trong vai trò của các cơ sở GDĐH. Từ chức năng truyền thống là nơi đào tạo và nghiên cứu cơ bản, các trường đại học đã trở thành chủ thể kiến tạo, đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành và phát triển các nền kinh tế dựa trên tri thức.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Điều này được thể hiện rõ nét qua các

chủ trương, chính sách mang tính đột phá của Bộ Chính trị. Trong đó, Nghị quyết số 57 - NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đã xác định mục tiêu "phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" là động lực chính, là nền tảng cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Tiếp đó, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đã khẳng định một cách mạnh mẽ vai trò của GDDH, xác định "giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo". Đây là hai nghị quyết có tính chất bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống chủ trương chiến lược, nhằm khai thác tối đa tiềm năng tri thức và công nghệ để phục vụ mục tiêu phát triển quốc gia.

Tuy nhiên, trên thực tế, vai trò này của GDDH Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của các cơ sở GDDH, do vướng mắc về cơ chế, chính sách và sự thiếu đồng bộ trong hệ sinh thái. Do đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các giải pháp đột phá cho Việt Nam là một yêu cầu cấp bách, nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng.

Nghiên cứu này nhằm mục đích làm rõ vai trò của các cơ sở GDDH trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia thông qua việc phân tích sâu sắc các trụ cột chức năng của chúng, đặc biệt trong bối cảnh CMCN 4.0. Bài viết cũng sẽ phân tích kinh nghiệm thành công của các quốc gia phát triển, từ đó rút ra những bài học và đề xuất các gợi mở chính sách cụ thể, phù hợp với bối cảnh Việt Nam nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 57 và Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị.

1. Vai trò của giáo dục đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Các cơ sở GDDH ngày nay đã vượt ra khỏi khuôn khổ truyền thống của mô hình Đại học Humboldt⁽¹⁾, vốn tập trung vào nghiên cứu cơ bản và giáo dục tự do. Thay vào đó, chúng đã trở thành những chủ thể kiến tạo, những hạt nhân quan trọng trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Sự chuyển dịch này không chỉ là

một thay đổi về chức năng, mà còn là một sự thay đổi mang tính hệ thống trong cách thức các trường đại học vận hành và tương tác với các chủ thể khác trong nền kinh tế. Vai trò này được phân tích sâu sắc dựa trên ba trụ cột chính, tương tác, hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau, tạo nên một chu trình đổi mới liên tục và bền vững.

Trụ cột thứ nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Vai trò này không chỉ giới hạn ở việc cung cấp kiến thức chuyên môn mà còn tập trung vào trang bị cho người học những kỹ năng thiết yếu của thế kỷ 21, bao gồm tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề phức tạp và tinh thần hợp tác đa ngành. Trong bối cảnh CMCN 4.0, các trường đại học cần tích hợp kiến thức về AI, Big Data và các công nghệ mới vào chương trình giảng dạy, không chỉ trong các ngành công nghệ mà cả trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Việc tích hợp các dự án thực tế, còn gọi là "capstone project", nơi sinh viên phải vận dụng tổng hợp kiến thức để hoàn thành một dự án do doanh nghiệp hoặc tổ chức đặt hàng, là một thí dụ điển hình. Điều này không chỉ giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm mà còn tạo ra những sản phẩm có giá trị ngay từ ghế nhà trường, thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Hơn nữa, các trường đại học cần thúc đẩy các chương trình đào tạo liên ngành (là việc tích hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều ngành hoặc nhóm ngành khác nhau. Ví dụ: khoa học, kinh tế, xã hội để tạo ra một ngành học mới, như: ngành Kinh tế học dữ liệu, Y học tích hợp, Kỹ thuật tâm lý học...) và xuyên ngành (là cách tiếp cận đào tạo tập trung vào việc hình thành tư duy tích hợp cho sinh viên, giúp họ có khả năng kết nối, ứng dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực để giải quyết vấn đề. Đặc biệt trong các lĩnh vực có tính chất công nghệ cao và đổi mới, sáng tạo để trang bị cho sinh viên khả năng thích ứng và giải quyết các vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại⁽²⁾. Ví dụ: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2021 đã tiến hành đào tạo 5 chương trình đào tạo liên ngành, xuyên ngành là: du lịch số, kinh tế số, công nghệ tài chính, tin sinh học, quản trị công

nghệ sinh học⁽³⁾. Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 71 - NQ/TW: "Giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo"⁽⁴⁾, nhằm phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

Trụ cột thứ hai là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đây là quá trình biến tri thức hàn lâm thành tài sản kinh tế. Nghiên cứu trong các trường đại học không còn đơn thuần là việc công bố trên các tạp chí khoa học, mà phải hướng đến việc tạo ra các phát minh, sáng chế và ứng dụng có thể thương mại hóa. Đặc biệt, các trường đại học cần đẩy mạnh nghiên cứu trong các lĩnh vực trọng tâm của CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, công nghệ sinh học và vật liệu mới. Sự ra đời của các đơn vị chuyển giao công nghệ (TTO) là một bước đi mang tính đột phá, hoạt động như một cầu nối giữa các nhà khoa học và thị trường. TTO đóng vai trò quản lý tài sản trí tuệ (sáng chế, bản quyền), hỗ trợ hoạt động cấp phép công nghệ và thúc đẩy việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Qua đó, TTO giúp rút ngắn khoảng cách từ phòng thí nghiệm đến thị trường, đảm bảo rằng tri thức khoa học tạo ra giá trị kinh tế và xã hội cụ thể. Trụ cột này thể hiện rõ mục tiêu cốt lõi của Nghị quyết 57 - NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó nhấn mạnh: "Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo"⁽⁵⁾.

Trụ cột thứ ba là thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp. Các trường đại học đóng vai trò như vườn ươm cho các ý tưởng đột phá, sáng tạo. Điều này không chỉ giới hạn ở việc thành lập các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, mà còn phải xây dựng một văn hóa dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám chấp nhận rủi ro. Các trường đại học tiên tiến trên thế giới (Stanford University và Massachusetts Institute of Technology (MIT) (Hoa Kỳ); Nanyang Technological University (NTU) (Singapore) và University of Cambridge (Vương quốc Anh)) đã tích hợp tư duy khởi nghiệp vào chương trình học, tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp và cung cấp các nguồn lực như: không gian làm việc chung (co - working space), không gian đổi mới sáng tạo và quỹ đầu tư mạo hiểm (venture capital fund) ngay trong khuôn viên trường học. Mục tiêu là

tạo ra một môi trường thuận lợi để sinh viên và giảng viên không ngại thử nghiệm, biến ý tưởng thành hiện thực và hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng dựa trên nền tảng công nghệ số. Trụ cột này là sự kết hợp của tinh thần đổi mới sáng tạo của Nghị quyết 57 - NQ/TW và việc phát triển nhân tài theo tinh thần Nghị quyết 71 - NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đã khẳng định: "Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng"⁽⁶⁾.

2. Kinh nghiệm quốc tế về vai trò của giáo dục đại học trong đổi mới sáng tạo

Kinh nghiệm từ các nền kinh tế phát triển cho thấy không có một mô hình duy nhất cho sự thành công, mà là sự đa dạng trong cách tiếp cận để tận dụng GDDH làm đòn bẩy phát triển. Những bài học này cung cấp những gợi ý quý báu cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2.1. Mô hình của Hoa Kỳ - "Bộ ba xoắn ốc" và vai trò của chính sách

Hoa Kỳ là hình mẫu tiêu biểu cho sự thành công của các trường đại học trong đổi mới sáng tạo, với nền tảng là mối quan hệ chặt chẽ giữa đại học, ngành công nghiệp và chính phủ, còn được gọi là mô hình "bộ ba xoắn ốc". Điểm mấu chốt là Luật Bayh - Dole năm 1980, một chính sách mang tính cách mạng đã cho phép các trường đại học giữ bản quyền các sáng chế từ các nghiên cứu được tài trợ bởi chính phủ liên bang và tự do thương mại hóa chúng. Chính sách này đã tạo ra một cuộc cách mạng, thúc đẩy các trường đại học chủ động thành lập các văn phòng chuyển giao công nghệ, hợp tác với các doanh nghiệp và khuyến khích giảng viên, sinh viên khởi nghiệp, sáng tạo. Kết quả là, các trường đại học như: MIT, Stanford và Harvard không chỉ là những trung tâm giáo dục hàng đầu mà còn là những "cỗ máy" tạo ra giá trị kinh tế khổng lồ, là hạt nhân của các thung lũng công nghệ như Thung lũng Silicon. Mô hình này cho thấy vai trò của chính sách trong việc tạo ra một môi trường thể chế thuận lợi để tri thức học thuật được chuyển hóa thành sản phẩm thương mại.

2.2. Mô hình của Đức - Sự phân công lao động khoa học hiệu quả

Mô hình của Đức nổi bật bởi sự phân công lao động khoa học một cách hiệu quả giữa các trường đại

học và các tổ chức nghiên cứu ngoài trường đại học, điển hình là Hiệp hội Fraunhofer. Đây là một mạng lưới các viện nghiên cứu chuyên biệt, tập trung vào khoa học ứng dụng. Thay vì tập trung tất cả vào các trường đại học, Đức đã xây dựng các viện này để làm cầu nối giữa nghiên cứu cơ bản và ứng dụng. Các trường đại học ở Đức, với truyền thống lâu đời của mô hình Humboldt, tập trung vào nghiên cứu nền tảng, đào tạo lý thuyết chuyên sâu và sản sinh tri thức mới. Trong khi đó, các viện của Fraunhofer thực hiện các dự án nghiên cứu ứng dụng theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và chính phủ, biến tri thức từ phòng thí nghiệm thành các giải pháp công nghệ cụ thể và sản phẩm thương mại. Mô hình này hoạt động dựa trên nguyên tắc "nghiên cứu theo hợp đồng", trong đó 70% ngân sách của Fraunhofer đến từ các dự án nghiên cứu theo hợp đồng với ngành công nghiệp và khu vực công. Điều này tạo ra một động lực mạnh mẽ để các viện nghiên cứu phải liên tục tìm kiếm và giải quyết các vấn đề thực tiễn của quốc gia, của xã hội, thị trường, đảm bảo rằng tri thức được tạo ra luôn có giá trị ứng dụng thực tiễn cao.

2.3. Mô hình của Israel - "Quốc gia khởi nghiệp" từ tri thức quân sự và hàn lâm

Israel, được mệnh danh là "Quốc gia khởi nghiệp", có một nền văn hóa sáng tạo độc đáo bắt nguồn từ sự liên kết chặt chẽ giữa các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu quân sự⁽⁷⁾. Đây không chỉ là một mối quan hệ đơn thuần, mà là một chu trình "rút ngắn" thời gian từ nghiên cứu đến ứng dụng. Nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ cao được phát triển cho mục đích quân sự, nhưng lại có tiềm năng ứng dụng dân sự. Sau khi giải ngũ, nhiều cựu chiến binh và sĩ quan kỹ thuật đã sử dụng kiến thức và kinh nghiệm để thành lập các công ty khởi nghiệp công nghệ cao. Đây là một thí dụ rõ ràng về việc chính phủ có thể định hướng và hỗ trợ các lĩnh vực chiến lược, tạo ra một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo từ cấp độ quốc gia, với các trường đại học đóng vai trò là nơi sản sinh tri thức và nhân lực chất lượng cao.

2.4. Mô hình của Hàn Quốc - Sức mạnh của sự gắn kết "Đại học - Chaebol"

Hàn Quốc là hình mẫu cho sự hợp tác mạnh mẽ giữa các trường đại học và các tập đoàn công nghiệp lớn (chaebol) như Samsung, LG. Mô hình của Hàn

Quốc về đào tạo nhân lực đặc biệt chú trọng vào sự hợp tác trực tiếp và lâu dài giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Sự hợp tác này thường bao gồm việc thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thực tập và làm việc tại các công ty, đồng thời giúp tăng cường kỹ năng và kinh nghiệm làm việc cho người lao động. Mô hình này đã góp phần tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp Hàn Quốc. Các chaebol không chỉ tài trợ mà còn trực tiếp tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển R&D (Research and Development) tại các trường đại học, đặt hàng các dự án nghiên cứu và tuyển dụng các nhà nghiên cứu tài năng. Mối quan hệ "cộng sinh" này đã tạo ra một vòng tuần hoàn tích cực, các trường đại học đào tạo nhân lực phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội, thị trường và các tập đoàn tận dụng tri thức từ trường đại học để tạo ra các sản phẩm công nghệ cao. Ví dụ: Samsung gắn kết với các trường đại học để phát triển công nghệ chip tiên tiến; Hyundai Motor Group đã hợp tác với các trường đại học để phát triển xe tự lái. Công ty tham gia vào các dự án nghiên cứu chung và tuyển dụng các kỹ sư, nhà nghiên cứu trẻ từ các trường để tham gia vào đội ngũ phát triển của mình. Sự gắn kết này đã giúp Hàn Quốc nhanh chóng vươn lên thành một cường quốc công nghệ toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực như: điện tử, viễn thông, ô tô, công nghiệp văn hóa...

2.5. Mô hình của Singapore - Vai trò kiến tạo của chính phủ và sự tích hợp hệ sinh thái

Singapore là một hình mẫu khác về sự thành công trong việc xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, với vai trò kiến tạo của chính phủ là điểm nhấn. Chính phủ Singapore đã đầu tư mạnh mẽ vào R&D và khuyến khích các trường đại học hàng đầu như: Đại học Quốc gia Singapore (NUS) và Đại học Công nghệ Nanyang (NTU) hợp tác với các công ty đa quốc gia. Họ đã xây dựng các khu công nghệ cao được quy hoạch chiến lược như Biopolis (tập trung vào khoa học sinh học) và Fusionopolis (tập trung vào kỹ thuật), nơi các nhà khoa học từ các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp cùng làm việc trong một không gian vật lý và chính sách thuận lợi. Mô hình này cho thấy một sự can thiệp có chủ đích

của nhà nước để tạo ra một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nơi các trường đại học đóng vai trò trung tâm trong việc thu hút tài năng và tri thức toàn cầu.

2.6. Mô hình của Trung Quốc - Sự định hướng chiến lược từ Nhà nước

Trung Quốc là một ví dụ điển hình về mô hình đổi mới sáng tạo được dẫn dắt bởi nhà nước. Khác với sự tự chủ của các trường đại học Mỹ, Trung Quốc áp dụng một cách tiếp cận từ trên xuống (top - down), trong đó chính phủ đóng vai trò quyết định trong việc định hướng các ưu tiên chiến lược. Thông qua các chương trình quốc gia như □Dự án 211 (Project 211 - 211工程)□- Dự án được Quốc Vụ Viện Trung Quốc phê chuẩn vào tháng 11/1995 với mục tiêu xây dựng 100 trường đại học trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội trong thế kỷ 21. □Dự án 985 (Project 985 - 985工程)□ Dự án xây dựng một số ít các trường đại học trở thành đẳng cấp thế giới và gần đây nhất là □Sáng kiến Đại học Hàng nhất Kép□(Double First - Class Initiative) - Dự án thúc đẩy sự phát triển đồng thời hai hướng: xây dựng các trường đại học đẳng cấp thế giới (First-Class University) và xây dựng các ngành học đẳng cấp thế giới (First-Class Disciplines)(8), chính phủ đã đầu tư một cách có trọng điểm vào một số trường đại học và ngành học cụ thể để xây dựng các trung tâm nghiên cứu và giáo dục đẳng cấp thế giới. Sự gắn kết giữa các trường đại học với các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) và các ngành công nghiệp trọng điểm đã tạo ra một lực đẩy mạnh mẽ cho đổi mới sáng tạo. Các trường đại học tinh hoa Trung Quốc như: Đại học Bắc Kinh, Thanh Hoa, Phúc Đán, Giao thông Thượng Hải, Chiết Giang, Nam Kinh, Khoa học và Công nghệ Trung Quốc, với sự đầu tư ưu tiên của chính phủ, đã vươn lên mạnh mẽ trong các bảng xếp hạng quốc tế và trở thành những trung tâm nghiên cứu hàng đầu, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, công nghệ sinh học và điện toán lượng tử. Mô hình này cho thấy, với một sự định hướng chiến lược rõ ràng và sự đầu tư mạnh mẽ từ chính phủ, các trường đại học có thể nhanh chóng trở thành một lực lượng chủ chốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu.

3. Những gợi mở chính sách đối với Việt Nam hiện nay

Dựa trên những kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh đặc thù của Việt Nam, việc phát huy vai trò của

GDDH trong đổi mới sáng tạo cần được thực hiện thông qua những đột phá chính sách đồng bộ, toàn diện, phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 57 - NQ/TW và Nghị quyết số 71 - NQ/TW của Bộ Chính trị.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, *thứ nhất*, cần hoàn thiện khung pháp lý và thực thi tự chủ đại học một cách thực chất và toàn diện. Tự chủ không chỉ giới hạn ở việc quyết định học phí hay các khoản thu nhập, mà phải bao hàm cả quyền tự quyết về chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức và sử dụng nguồn lực một cách linh hoạt. Nghị quyết 71 - NQ/TW nhấn mạnh: □Tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp□(9). Đây là một trong những điểm cốt lõi của Nghị quyết 71 - NQ/TW, nhằm trao quyền và trách nhiệm cho các trường công lập, cho phép họ quyết định về đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, liên kết với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và sử dụng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học - công nghệ để tái đầu tư vào R&D và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật của nhà trường. Để thực hiện hiệu quả, cần xây dựng các văn bản luật và dưới luật hướng dẫn chi tiết về tự chủ tài chính, nhân sự, học thuật và quản trị. Về mặt tài chính, chính sách cần khuyến khích các trường giữ lại một phần đáng kể từ nguồn thu chuyển giao công nghệ để tạo động lực cho các nhà khoa học và các đơn vị nghiên cứu trong trường. Điều này sẽ khuyến khích họ tích cực tìm kiếm các cơ hội thương mại hóa và gắn kết nghiên cứu với thực tiễn, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đột phá khoa học công nghệ của Nghị quyết 57 - NQ/TW. Tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình. Các trường đại học cần xây dựng hệ thống quản lý minh bạch, công khai các thông tin về hoạt động tài chính, kết quả nghiên cứu và chất lượng

đào tạo để đảm bảo sự tin tưởng từ xã hội và các bên liên quan.

Thứ hai, cần đẩy mạnh liên kết giữa [nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp] để tạo ra một hệ sinh thái đồng bộ và hiệu quả. Sự liên kết này là nền tảng của mô hình [bộ ba xoắn ốc], là chìa khóa để chuyển đổi nền kinh tế từ dựa vào tài nguyên sang dựa vào tri thức. Nhà nước cần đóng vai trò là "nhạc trưởng", tạo ra các chính sách ưu đãi thuế, các quỹ tài trợ chung hoặc các dự án công - tư (PPP). Các chính sách này sẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào R&D tại các trường đại học và tham gia vào quá trình đào tạo. Nghị quyết 57 -NQ/TW về chuyển đổi số quốc gia cần được cụ thể hóa bằng các dự án hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các trường đại học trong việc phát triển các nền tảng dữ liệu lớn, các giải pháp AI cho quản trị công và dịch vụ công. Về phía nhà trường, cần chủ động tiếp cận, lắng nghe nhu cầu của hệ thống chính trị, xã hội và thị trường để điều chỉnh hướng nghiên cứu. Thay vì nghiên cứu hàn lâm đơn thuần, các trường cần tập trung vào các dự án, đề án nghiên cứu ứng dụng có thể giải quyết các bài toán cụ thể của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và xã hội. Việc thành lập các đơn vị chuyển giao công nghệ (TTO) với cơ chế hoạt động chuyên nghiệp là một bước đi thiết thực để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Về phía doanh nghiệp, cần nhìn nhận các trường đại học không chỉ là nơi cung cấp nguồn nhân lực mà còn là đối tác chiến lược trong R&D. Việc thành lập các mô hình, phòng thí nghiệm liên kết, các dự án, đề án nghiên cứu chung và các quỹ đầu tư mạo hiểm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trong khuôn viên trường học là những hình thức hợp tác hiệu quả, giúp rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhà trường và xã hội. Sự hợp tác này là chìa khóa để thực hiện thành công các mục tiêu của cả Nghị quyết 57 - NQ/TW và Nghị quyết 71 - NQ/TW.

Thứ ba, cần xây dựng hệ sinh thái văn hóa đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong toàn bộ các cơ sở giáo dục đại học. Văn hóa này không chỉ giới hạn trong cộng đồng sinh viên mà phải lan tỏa đến toàn bộ giảng viên, cán bộ quản lý và các cựu sinh viên. Để làm được điều này, các trường cần có chính sách hỗ trợ cụ thể như các quỹ đầu tư mạo hiểm dành riêng cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên và giảng

viên, các chương trình hỗ trợ pháp lý và tài chính ban đầu. Sự tham gia của các cựu sinh viên thành công trong vai trò cố vấn và nhà đầu tư là một nguồn lực vô cùng quý giá đối với nhà trường. Họ không chỉ mang đến kinh nghiệm mà còn tạo ra một mạng lưới kết nối quan trọng, giúp các startup non trẻ có cơ hội tiếp cận thị trường và các nguồn lực bên ngoài. Việc tổ chức các hội thảo, hội chợ, triển lãm, sự kiện đổi mới sáng tạo và các diễn đàn kết nối cũng tạo ra những không gian chung, nơi các nhà khoa học, doanh nhân, nhà đầu tư và Nhà nước có thể gặp gỡ, trao đổi và hình thành các ý tưởng hợp tác mới.

Thứ tư, cần đổi mới quản trị và cơ chế chính sách tài chính. Để các chính sách trên đi vào cuộc sống, cần có sự thay đổi căn bản trong cơ chế quản trị và tài chính của các trường đại học. Chuyển đổi từ cơ chế [cấp phát] sang [đầu tư] là một yêu cầu bức thiết. Thay vì cấp ngân sách dựa trên chỉ tiêu đầu vào, nhà nước cần có cơ chế tài chính dựa trên hiệu quả đầu ra (output-based funding). Ngân sách cần được phân bổ ưu tiên cho các chương trình nghiên cứu chiến lược, các nhóm nghiên cứu mạnh và các dự án có tiềm năng ứng dụng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên của Nghị quyết 57 - NQ/TW như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, và công nghệ vi mạch bán dẫn. Các trường đại học cần được khuyến khích đa dạng hóa nguồn thu, không chỉ phụ thuộc vào học phí và ngân sách nhà nước. Các nguồn thu từ chuyển giao công nghệ, tư vấn, dịch vụ nghiên cứu và các quỹ tài trợ từ doanh nghiệp cần được coi là nguồn thu chính, tạo động lực để nhà trường gắn kết hơn với thị trường. Nhà nước cần ban hành chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào R&D tại các trường đại học, cũng như cho các trường đại học khi thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Thứ năm, việc thu hút và phát triển nhân tài là yếu tố quyết định sự thành công của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Nguồn nhân lực chất lượng cao là tài sản quý giá nhất của một quốc gia. Để thu hút và giữ chân các nhà khoa học, giảng viên giỏi, chuyên gia đầu ngành, các trường đại học cần được trao quyền tự chủ trong việc xây dựng cơ chế lương, thưởng linh hoạt và cạnh tranh, vượt qua khung lương hành chính sự nghiệp hiện hành. Cần có những chính sách đặc biệt để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học người Việt

Nam ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao. Chính sách này có thể bao gồm việc cấp thị thực, hỗ trợ nhà ở, và tạo môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp. Đồng thời, cần đầu tư mạnh vào chương trình đào tạo sau đại học và tạo điều kiện cho các nghiên cứu sinh tham gia vào các dự án nghiên cứu thực tế, hợp tác với doanh nghiệp ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Điều này sẽ giúp xây dựng một đội ngũ các nhà khoa học trẻ, có năng lực và sẵn sàng đối mặt với những thách thức của nền kinh tế số.

Vai trò của các cơ sở GDDH trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia không còn là một lựa chọn mà là một yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Những kinh nghiệm thành công của các quốc gia phát triển như: Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, Israel, Singapore và Trung Quốc đã chứng minh một cách thuyết phục rằng các trường đại học có thể trở thành động lực mạnh mẽ nhất cho sự phát triển kinh tế tri thức khi được trao quyền tự chủ, có sự kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và được hỗ trợ bởi các chính sách thông minh của Nhà nước. Khả năng chuyển hóa tri thức từ hàn lâm sang ứng dụng, từ các mô hình, đề án, dự án, các phòng thí nghiệm ra thị trường, xã hội, chính là chìa khóa để tạo ra những đột phá về công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và giải quyết các thách thức của xã hội.

Việt Nam, với những định hướng đúng đắn trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước đặc biệt là Nghị quyết số 57 - NQ/TW và Nghị quyết số 71 - NQ/TW của Bộ Chính trị, đang đứng trước cơ hội lớn để tạo ra những bước chuyển mình mạnh mẽ của giáo dục đại học. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần có sự nỗ lực đồng bộ từ tất cả các chủ thể trong "Mô hình bộ ba xoắn ốc" được đề cập trong bài viết. Đảng, Nhà nước cần tiếp tục đóng vai trò định hướng, kiến tạo, để tạo ra một khung pháp lý đồng bộ, ổn định, rõ ràng, minh bạch, thông thoáng và các chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết, đổi mới, sáng tạo. Việc hoàn thiện cơ chế tự chủ cho các trường đại học, đặc biệt là về tổ chức, bộ máy, tài chính và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, là một trong những ưu tiên hàng đầu theo tinh thần của Nghị quyết 71 - NQ/TW. Các trường đại học phải đổi mới mạnh mẽ từ quản trị, chương trình đào tạo đến văn hóa học thuật, khuyến

khích tư duy phản biện và tinh thần khởi nghiệp. Việc thành lập các đơn vị chuyển giao công nghệ (TTO) và vườn ươm khởi nghiệp ngay trong khuôn viên nhà trường là một bước đi thiết thực, hiệu quả. Cuối cùng, các ban, bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp cần chủ động hơn trong việc hợp tác, đặt hàng nghiên cứu và đầu tư vào các trường đại học như một đối tác chiến lược, ổn định, lâu dài. Chỉ khi các bên cùng đồng lòng, chúng ta mới có thể khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực của các trường đại học, biến chúng thành trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, góp phần đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc./.

(1) Mô hình Đại học Humboldt là một lý tưởng giáo dục đại học mang tính cách mạng, được phát triển bởi nhà triết học và cải cách giáo dục người Phổ Wilhelm von Humboldt (1767-1835) khi ông thành lập Đại học Berlin (nay là Đại học Humboldt Berlin) vào năm 1810. Mô hình này tập trung vào sự thống nhất giữa nghiên cứu cơ bản và giảng dạy (Einheit von Forschung und Lehre) và giáo dục tự do (Bildung), với mục tiêu đào tạo ra những cá nhân có năng lực tư duy, có văn hóa và phát triển toàn diện. Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 năm (1810-2010): Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam. Chủ biên: Ngô Bảo Châu, Pierre Darriulat, Cao Huy Thuần, Hoàng Tuy, Nguyễn Xuân Xanh, Phạm Xuân Yêm. Phát hành: Tháng 3.2011, Nhà xuất bản Tri thức, 53 Nguyễn Du, Hà Nội.

(2) Trang Hà - Trần Hạnh, *Nhiều trường đại học đào tạo liên ngành, xuyên ngành*, Báo Lao Động điện tử, Thứ ba, 07/05/2024 05:55 (GMT+7).

(3) Phương Nguyễn, *Sức hút từ chương trình đào tạo liên ngành, xuyên ngành và song ngành*, Báo Thanh niên điện tử, ngày, 24/05/2022 09:54 GMT+7.

(4) Nghị quyết số 71 - NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

(5) Nghị quyết số 57 - NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(6) Nghị quyết số 71 - NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

(7) Xem "Quốc gia khởi nghiệp, Câu chuyện về sự thần kỳ kinh tế của Israel" nguyên văn *Start-up Nation: The Story of Israel's Economic Miracle* là cuốn sách của tác giả Dan Senor và Saul Singer in năm 2009.

(8) Du học Hạnh Đạt, Tạp chí Giáo dục, Riba.vn, Study-inchina.io (Các bài viết về Dự án Song nhất lưu/Double First-Class).

(9) Nghị quyết số 71 - NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.